

Số: 266/2021/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 24 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 402/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Bà **Bùi H**, sinh năm 1989.

Trú tại: Số nhà 11/8, thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà Bùi H và ông Nguyễn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa Bùi H và ông Nguyễn T.

- Về con chung: Giao cho bà Bùi H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 07/11/2016 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đồng/tháng cho đến ngày con chung thành niên. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11/2021.

- Về tài sản chung: Bà Bùi H và ông Nguyễn T trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Bùi H và ông Nguyễn T trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Bùi H nhận nộp toàn bộ án phí xin ly hôn 150.000đồng và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007786 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Bùi H đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Thanh Hương**